

Số: /KH-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Phát triển nông, lâm nghiệp chủ lực tập trung, bền vững gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030;

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 26/9/2025 Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025-2030.

Thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TU ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển nông, lâm nghiệp tập trung, bền vững gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch số 38-KH/ĐU ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển nông, lâm nghiệp tập trung, bền vững gắn với tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2026-2030 với nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nhiệm vụ về phát triển nông, lâm nghiệp tập trung, bền vững gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2026-2030 theo Nghị quyết số 24-NQ/TU ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển nông, lâm nghiệp tập trung, bền vững gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2026-2030.

2. Yêu cầu

Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu để các Sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường; các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch hành động, cụ thể hóa thành các chương trình, đề án văn bản và tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ về phát triển nông, lâm nghiệp tập trung, bền vững gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2026-2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tập trung khai thác, tận dụng tốt lợi thế về điều kiện tự nhiên, xây dựng và phát triển các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp tập trung theo chuỗi giá trị; ứng

dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất, phát triển sản phẩm có chất lượng, sức cạnh tranh cao và bền vững, đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng theo yêu cầu của thị trường, tăng thu nhập cho người sản xuất nông nghiệp; tăng hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Cơ cấu nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 12-13% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh; phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2026 - 2030 đạt bình quân 3,6% trở lên. Phát triển nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến; nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản hàng hóa chủ lực theo chuỗi giá trị gắn với bảo quản, chế biến, xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu.

- Phát triển vùng sản xuất hàng hóa các loại sản phẩm chủ lực, có thế mạnh cạnh tranh, hướng tới xuất khẩu như: vùng Thông 155.000-160.000 ha, vùng Hời 55.000-56.000 ha, vùng Keo 50.000-55.000 ha, vùng Quế 10.000-15.000 ha, vùng Mắc ca 6.000-8.000 ha, vùng Na 4.500 ha, vùng Quýt và cây ăn quả có múi 3.000ha, vùng Hồng 2.000 ha, vùng Thạch đen 1.000 ha.

- Phát triển diện tích các loại cây trồng có tiềm năng, như: Dẻ lấy hạt, Dừa, dược liệu dưới tán rừng, Hoàng đàn, Hồng giòn (Hồng Nhật), chè shan tuyết Mẫu Sơn, ...

- Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm: duy trì tổng đàn trâu đạt 48.000 - 50.000 con, tổng đàn bò 30.000 con; phát triển đàn lợn 300.000 con, tổng đàn gia cầm 5,5 triệu con, tổng đàn dê 45.000 con, tổng đàn ngựa 8.500 con. Diện tích nuôi thủy sản hàng năm duy trì đạt trên 1.250 ha, duy trì và phát triển khoảng 550 lồng bè.

- Phấn đấu đến năm 2030, diện tích áp dụng GAP, hữu cơ, mã số vùng trồng và các tiêu chuẩn khác đạt 2.000 ha; diện tích được cấp mã số rừng trồng 5.000ha, duy trì và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững 20.000 ha. Thu hút đầu tư các doanh nghiệp, hợp tác xã chế biến nông sản tham gia vào chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm: 30 doanh nghiệp, hợp tác xã; phát triển, nâng cao chất lượng các sản phẩm OCOP: 200 sản phẩm còn hạn, trong đó có ít nhất 20 sản phẩm 4 sao và 1 sản phẩm 5 sao; phấn đấu 100% các sản phẩm OCOP 4 sao, 5 sao được bán tại các hệ thống siêu thị hoặc các chuỗi bán lẻ phổ biến. Nâng cao giá trị sản phẩm/đơn vị diện tích canh tác từ 10-15% so với năm 2025.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Phát triển vùng sản xuất hàng hóa các loại sản phẩm chủ lực, có thế mạnh cạnh tranh

1.1. Phát triển vùng trồng Thông

- Định hướng chung: duy trì ổn định diện tích rừng Thông đến năm 2030 đạt 155.000 - 160.000 ha, triển khai các biện pháp kỹ thuật lâm sinh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng, thời gian cho khai thác nhựa khoảng 5 - 10 năm, sau đó tiến hành khai thác gỗ với sản lượng 150 - 180 m³/ha; trồng lại rừng

sau khai thác và mở rộng diện tích ở những nơi có điều kiện phù hợp; đẩy mạnh chế biến, chế biến sâu, đa dạng hoá sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường; nghiên cứu chọn tạo giống có chất lượng để trồng lại rừng sau khai thác, xây dựng các mô hình thâm canh tăng năng suất, áp dụng các biện pháp kỹ thuật khai thác nhựa đảm bảo hiệu quả, bền vững, cấp mã số vùng trồng rừng.

- Vùng sản xuất tập trung: vùng thông tập trung tại địa bàn các xã Đình Lập, Kiên Mộc, Thái Bình, Châu Sơn, Lộc Bình, Xuân Dương, Thống Nhất, Lợi Bắc, Mẫu Sơn, Khuất Xá, Na Dương, Thụy Hùng, Đồng Đăng, Cao Lộc, Công Sơn, Ba Sơn, Chiến Thắng, ...

- Chế biến, tiêu thụ sản phẩm: giai đoạn 2026-2030, thu hút đầu tư thêm các hợp tác xã tham gia vào chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm xúc tiến tìm kiếm thị trường tiêu thụ, tạo nguyên liệu cho chế biến nhựa chế biến xuất khẩu sang các thị trường như Trung Quốc, châu Âu. Phát huy hết công suất 03 nhà máy chế biến nhựa thông hiện có¹; khuyến khích phát triển mới, mở rộng quy mô các cơ sở chế biến gỗ, nhựa thông đang hoạt động.

1.2. Phát triển vùng trồng Hôi

- Định hướng chung: duy trì diện tích rừng Hôi đến năm 2030 khoảng 55.000 - 56.000 ha, trong đó diện tích rừng Hôi hữu cơ khoảng 2.000 ha; cải tạo để trồng thay thế diện tích hồi già cỗi, có năng suất chất lượng thấp, ưu tiên trồng lại bằng giống cây Hôi ghép; Áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh nâng cao năng suất, chất lượng rừng Hôi, mở rộng diện tích rừng Hôi hữu cơ, hồi theo tiêu chuẩn VietGAP, mã số vùng trồng để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoa hồi, gắn phát triển rừng Hôi với phát triển du lịch sinh thái, nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người trồng Hôi.

- Vùng sản xuất tập trung: vùng hồi tập trung tại địa bàn các xã Yên Phúc, Tân Đoàn, Khánh Khê, Diềm He, Tri Lễ, Văn Quan, Thiện Thuật, Bình Gia, Hồng Phong, Tân Văn, Hoa Thám, Thiện Hòa, Thiện Long, Quý Hòa, Bằng Mạc, Hoàng Văn Thụ, Hội Hoan, Công Sơn, Ba sơn, Đồng Đăng, Lộc Bình, Quốc Khánh, Tràng Định, Kiên Mộc, Thống Nhất, Hồng Phong.

- Chế biến, tiêu thụ sản phẩm: giai đoạn 2026-2030, tiếp tục duy trì Chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu sản phẩm Hôi tại các xã Tràng Định, Văn Quan. Phát huy hết công suất của các cơ sở đã chế biến và xuất khẩu mặt hàng tinh dầu hồi chất lượng hiện có. Thu hút đầu tư 1-2 doanh nghiệp chế biến các sản phẩm hồi và các hợp tác xã tham gia vào chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm mở rộng phát triển vùng chỉ dẫn địa lý hoa Hồi; xúc tiến tìm kiếm thị trường tiêu thụ, đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Ấn Độ, Anh, Malaysia, Indonesia và hướng tới các thị trường Bắc Mỹ, Pháp, Đức, Nga và các nước châu Âu khác cho sản phẩm hoa hồi.

1.3. Phát triển vùng trồng Keo

¹ Nhà máy chế biến của Công ty TNHH Long Tân Lạng Sơn; nhà máy chế biến của Công ty TNHH Songlees Lạng Sơn; Nhà máy chế biến của Công ty ROSIN INDUSTRIES VIET NAM.

- Định hướng chung: tập trung thâm canh nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, duy trì và phát triển diện tích 50.000 - 55.000 ha kinh doanh gỗ nguyên liệu, chuyển hoá diện tích rừng trồng gỗ nhỏ theo hướng kinh doanh gỗ lớn khoảng 6.000 - 8.000 ha (bình quân mỗi năm 1.200 - 1.600 ha/năm); trồng lại rừng sau khai thác bằng các giống mới có năng suất, chất lượng cao, cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, cấp mã số vùng trồng rừng, áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến vào quy trình sản xuất từ giai đoạn chuẩn bị hiện trường, trồng rừng, chăm sóc bảo vệ rừng trồng và khai thác sản phẩm, năng suất rừng trồng đạt 18 - 20 m³/ha/năm.

- Vùng sản xuất tập trung: vùng keo tập trung tại địa bàn các xã Tuấn Sơn, Tân Thành, Vân Nham, Thiện Tân, Đình Lập, Thái Bình, Châu Sơn, Na Sầm, Văn Lãng, Thụy Hùng, Hội Hoan, Nhất Hòa, Vũ Lễ, Tân Tri, Tân Văn, Hoa Thám, Quý Hòa, Thiện Hòa, Thiện Thuật, Thiện Long, Kháng Chiến, Quốc Việt, Nhân Lý, Quan Sơn, Chiến Thắng, Hồng Phong, Kiên Mộc,...

- Chế biến, tiêu thụ sản phẩm: phát triển các hình thức tổ chức sản xuất lâm nghiệp, đẩy mạnh liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình trong sản xuất, chế biến gỗ, xúc tiến tìm kiếm thị trường tiêu thụ; giảm tỷ lệ sản phẩm chế biến thô, giảm cơ sở chế biến quy mô nhỏ thủ công. Thu hút 2-3 nhà đầu tư, doanh nghiệp, Hợp tác xã chế biến có uy tín, kinh nghiệm và năng lực đầu tư các cơ sở thu gom, chế biến gỗ keo phục vụ thị trường nội địa và xuất khẩu.

1.4. Phát triển vùng trồng Quế

- Định hướng chung: duy trì và phát triển diện tích rừng Quế đạt khoảng 10.000 - 15.000 ha, sử dụng biện pháp kỹ thuật lâm sinh trong tia thưa rừng trồng phù hợp nhằm phát huy hiệu quả năng suất, chất lượng vỏ quế và sản phẩm tận thu từ cành, lá... để tái đầu tư, nuôi dưỡng rừng trồng; trồng lại và mở rộng diện tích ở những nơi có điều kiện phù hợp; mở rộng diện tích quế hữu cơ, quế theo tiêu chuẩn VietGAP, mã số vùng trồng để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; đẩy mạnh chế biến, chế biến sâu; đa dạng hoá sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Vùng sản xuất tập trung: vùng Quế tập trung tại địa bàn các xã Tân Tiến, Đoàn Kết, Tràng Định, Quốc Khánh, Thất Khê, Quý Hòa, Hoa Thám, Thiện Long, Tân Tri,...

- Chế biến, tiêu thụ sản phẩm: giai đoạn 2026 - 2030, tiếp tục duy trì chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu sản phẩm Quế tại các xã Tràng Định, Đoàn Kết, Thất Khê; thu hút đầu tư thêm các hợp tác xã tham gia vào chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm. Phát huy hết công suất của các cơ sở chế biến đã có trên địa bàn. Thu hút 1-2 doanh nghiệp, Hợp tác xã đầu tư trong lĩnh vực sơ chế, chế biến sâu các sản phẩm từ quế, xúc tiến tìm kiếm thị trường tiêu thụ, xuất khẩu vào các thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Hoa Kỳ, các nước Tây Á, Trung Đông, các nước EU.

1.5. Phát triển vùng trồng Mắc ca

- Định hướng chung: phát triển cây Mắc ca trở thành cây trồng chủ lực có giá trị kinh tế cao, gắn trồng Mắc ca với bảo vệ rừng và du lịch sinh thái, nâng cao thu nhập cho người dân. Khuyến khích phát triển theo hướng bền vững, ứng dụng khoa học kỹ thuật, sử dụng giống chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, diện tích đến năm 2030 khoảng 6.000 - 8.000 ha.

- Vùng sản xuất tập trung: các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

- Chế biến, tiêu thụ sản phẩm: đầu tư phát triển hệ thống sơ chế, chế biến hạt Mắc ca đồng bộ với vùng nguyên liệu; đa dạng hóa sản phẩm (hạt sảy, nhân Mắc ca, dầu Mắc ca...), phát triển sản phẩm OCOP. Xây dựng chuỗi liên kết từ sản xuất – chế biến – tiêu thụ; phát triển thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm; mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và hướng tới xuất khẩu, nâng cao giá trị gia tăng và tính ổn định đầu ra cho sản phẩm Mắc ca.

1.6. Phát triển vùng trồng Na

- Định hướng chung: tập trung thâm canh nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; tiếp tục mở rộng thêm diện tích đối với nơi có điều kiện; đẩy mạnh chế biến, chế biến sâu; đa dạng hoá sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường. Đưa một số giống mới có năng suất, chất lượng vào cơ cấu giống của địa phương như na sàu, na thái, na hoàng hậu, ...

- Vùng sản xuất tập trung: vùng na tập trung tại địa bàn các xã Tân Thành, Vân Nham, Thiện Tân, Hữu Liên, Cai Kinh, Yên Bình, Chi Lăng, Bằng Mạc, Vạn Linh, Nhân Lý,... Giai đoạn 2026-2030 diện tích trồng na toàn tỉnh đạt trên 4.500ha.

- Các giải pháp kỹ thuật: cải tạo, trồng thay thế những diện tích na già cỗi, năng suất thấp; đẩy mạnh thâm canh, rải vụn, phòng trừ sâu bệnh hại theo hướng an toàn, bền vững; mở rộng diện tích sản xuất na theo tiêu chuẩn VietGAP, Global GAP, cấp mã số vùng trồng,... đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Chế biến, tiêu thụ sản phẩm: thu hút đầu tư các cơ sở chế biến, các doanh nghiệp, HTX tham gia vào chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm, phát triển các sản phẩm OCOP.

1.7. Phát triển vùng trồng Quýt và cây ăn quả có múi

- Định hướng chung: cải tạo diện tích kém hiệu quả, tập trung thâm canh nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; tiếp tục mở rộng thêm diện tích đối với nơi có điều kiện; đa dạng hoá sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường. Phát triển vùng quýt và cây ăn quả có múi gắn với du lịch.

- Vùng sản xuất tập trung: vùng quýt và cây ăn quả có múi tập trung tại địa bàn các xã Bắc Sơn, Hưng Vũ, Vũ Lăng, Nhất Hòa, Vũ Lễ, Tân Tri, Bình Gia, Tân Văn, Tân Tiến, Thất Khê, Chi Lăng, Kháng Chiến, Cao Lộc, Chiến Thắng, Châu Sơn, Tuấn Sơn, Tân Thành, Thiện Tân, Bằng Mạc, Vạn Linh,... Giai đoạn 2026-2030 diện tích trồng quýt và cây ăn quả có múi toàn tỉnh đạt trên 3.000ha.

- Các giải pháp kỹ thuật: cải tạo, thay thế những diện tích già cỗi, năng suất thấp, sâu bệnh; đẩy mạnh thâm canh; áp dụng tiến bộ KHKT trong sản xuất, phòng

trừ dịch hại, mở rộng diện tích sản xuất quýt và cây ăn quả có múi theo tiêu chuẩn VietGAP, cấp mã số vùng trồng. Xây dựng các mô hình sản xuất gắn với du lịch.

- Tiêu thụ sản phẩm: thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia vào chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm, phát triển các sản phẩm OCOP.

1.8. Phát triển vùng trồng Hồng

- Định hướng chung: cải tạo diện tích hồng kém hiệu quả, tập trung thâm canh nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; tiếp tục mở rộng thêm diện tích đối với nơi có điều kiện; đẩy mạnh chế biến, chế biến sâu; đa dạng hoá sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường. Phát triển vùng hồng gắn với du lịch.

- Vùng sản xuất tập trung: vùng hồng tập trung tại địa bàn các xã Công Sơn, Cao Lộc, Hoàng Văn Thụ, Na Sầm, Văn Lãng, Thụy Hùng, Hội Hoan, Điềm He, Tân Đoàn và phường Kỳ Lừa,... Giai đoạn 2026-2030 diện tích trồng hồng toàn tỉnh đạt 2.000ha.

- Các giải pháp kỹ thuật: cải tạo, thay thế những diện tích già cỗi, năng suất thấp; đẩy mạnh thâm canh; mở rộng diện tích sản xuất hồng theo tiêu chuẩn VietGAP, cấp mã số vùng trồng đáp ứng yêu cầu thị trường. Xây dựng các mô hình sản xuất gắn với du lịch.

- Chế biến, tiêu thụ sản phẩm: thu hút đầu tư các cơ sở chế biến các sản phẩm từ quả hồng, đồng thời nâng công suất dây chuyền chế biến của cơ sở hiện có; khuyến khích các hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia vào chuỗi liên kết, tiêu thụ sản phẩm, phát triển sản phẩm OCOP.

1.9. Phát triển vùng trồng Thạch đen

- Định hướng chung: tập trung thâm canh nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; tiếp tục mở rộng thêm diện tích đối với nơi có điều kiện; đẩy mạnh chế biến, chế biến sâu; đa dạng hoá sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Vùng sản xuất tập trung: vùng thạch đen tập trung tại địa bàn các xã Thất Khê, Đoàn Kết, Tân Tiến, Tràng Định, Quốc Khánh, Kháng Chiến, Quốc Việt. Giai đoạn 2026-2030 diện tích trồng thạch đen toàn tỉnh đạt trên 1.000ha.

- Các giải pháp kỹ thuật: đẩy mạnh thâm canh, phòng trừ sâu bệnh hại theo hướng an toàn, bền vững; áp dụng quy trình kỹ thuật nâng cao chất lượng thạch ruộng; mở rộng diện tích sản xuất thạch đen theo tiêu chuẩn VietGAP, Global GAP, cấp mã số vùng trồng,... đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Chế biến, tiêu thụ sản phẩm: thu hút đầu tư các cơ sở chế biến các sản phẩm từ thạch đen, đồng thời nâng công suất dây chuyền chế biến của cơ sở hiện có, khuyến khích các hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia đầu tư chế biến sâu, đổi mới công nghệ, máy móc, thiết bị bảo quản, đóng gói để đa dạng sản phẩm tham gia chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm, phát triển sản phẩm OCOP.

1.10. Phát triển chăn nuôi, thủy sản

- Định hướng chung: duy trì tổng đàn trâu đạt 48.000 - 50.000 con, tổng đàn bò 30.000 con; phát triển đàn lợn 300.000 con, tổng đàn gia cầm 5,5 triệu con,

tổng đàn dê 45.000 con, tổng đàn ngựa 8.500 con. Diện tích nuôi thủy sản hàng năm duy trì đạt trên 1.250 ha, duy trì và phát triển khoảng 550 lồng bè.

- Đối với chăn nuôi trâu, bò: duy trì ổn định và phát triển đàn trâu, bò theo hướng bền vững tại các địa bàn có lợi thế, khuyến khích nuôi sinh sản, nuôi vỗ béo phù hợp điều kiện địa phương, gắn với cải tạo giống và nâng cao hiệu quả chăn nuôi; tăng cường phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

- Tập trung chăn nuôi lợn tại các xã đủ điều kiện nhằm chuyển dần từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung, ưu tiên chăn nuôi an toàn sinh học, ưu tiên trang trại, gia trại và hộ chăn nuôi quy mô phù hợp, gắn với liên kết tiêu thụ, ổn định đàn và nâng cao hiệu quả kinh tế. Phát triển vùng chăn nuôi tập trung tại các xã Tri Lễ, Yên Phúc, Yên Bình, Thái Bình, Thống Nhất, Nhất Hòa, Vũ Lễ, Vũ Lăng, Vạn Linh, Hoa Thám.

- Phát triển chăn nuôi gia cầm theo hướng hàng hóa, an toàn dịch bệnh, khuyến khích mô hình chăn nuôi tập trung, bán chăn thả, áp dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến, đáp ứng nhu cầu thị trường, có kiểm soát, ưu tiên an toàn sinh học, hạn chế chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư, bảo đảm an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường. Tập trung đối với các xã: Nhân Lý, Vạn Linh, Bằng Mạc, Yên Bình, Yên Phúc, Văn Quan, Thất Khê, Tràng Định, Quốc Khánh, Lợi Bác, Mẫu Sơn, Na Dương, Thống Nhất, Nhất Hòa, Tân Tri, Vũ Lễ.

- Phát triển đàn ngựa tại các địa bàn có lợi thế, theo hướng ổn định, phù hợp điều kiện tự nhiên và tập quán chăn nuôi địa phương; tận dụng lợi thế đất đồi núi phát triển đàn dê phù hợp, nâng cao hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi.

- Tập trung chăn nuôi ong mật tại các xã: Chiến Thắng, Vân Nham, Tuấn Sơn, Đồng Đăng, Ba Sơn, Khánh Khê, Nhất Hòa, Lương Văn Tri, từ 300 - 1.000 đàn. Dự kiến tăng sản lượng mật từ 3.000 - 12.000 kg.

- Duy trì đạt trên 1.250 ha diện tích nuôi trồng thủy sản hiện có. Phát triển nuôi trồng thủy sản trên các lồng bè tại các xã Vũ Lăng, Văn Quan, Diềm He, Khánh Khê, Văn Lăng, Hồng Phong, Quý Hòa, Tràng Định, Khuất Xá.

- Chế biến, tiêu thụ sản phẩm: tổ chức sản xuất theo vùng, theo chuỗi liên kết, khuyến khích phát triển trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã gắn với tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích phát triển chăn nuôi gắn với truy xuất nguồn gốc, an toàn thực phẩm, nâng tỷ lệ sản phẩm qua kiểm soát thú y; tăng cường chuyển giao khoa học kỹ thuật, tập huấn cho người chăn nuôi, nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong phát triển chăn nuôi bền vững. Thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào chế biến sản phẩm từ thịt; khuyến khích các doanh nghiệp, HTX chế biến tại cơ sở để tận dụng nguồn lực sẵn có.

2. Phát triển một số loại cây trồng có tiềm năng

2.1. Cây Dẻ lấy hạt

- Định hướng chung: phát triển cây hạt dẻ theo hướng khai thác lợi thế tự nhiên khí hậu, thổ nhưỡng của Lạng Sơn; gắn với bảo tồn nguồn gen, du lịch sinh thái, nâng cao giá trị kinh tế và phát triển sinh kế bền vững cho người dân. Ứng

dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng; kết hợp phát triển vùng trồng Dẻ gắn với du lịch tại các xã, phường có lợi thế; diện tích đến năm 2030 khoảng trên 500 ha.

- Vùng sản xuất tập trung: tại địa bàn các xã Cao Lộc, Thụy Hùng, Chiến Thắng, Tuấn Sơn và Phường Lương Văn Tri,...

- Chế biến, tiêu thụ sản phẩm: đầu tư cơ sở sơ chế, bảo quản và chế biến hạt dẻ nhằm kéo dài thời gian bảo quản và nâng cao giá trị sản phẩm; phát triển các sản phẩm chế biến đa dạng như hạt dẻ rang, sấy, bột hạt dẻ... và phát triển sản phẩm OCOP. Tăng cường xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể; mở rộng kênh tiêu thụ thông qua thương mại điện tử, chuỗi bán lẻ và thị trường du lịch.

2.2. Cây Dừa

- Định hướng chung: thâm canh nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; mở rộng thêm diện tích đối với nơi có điều kiện để tạo vùng nguyên liệu có lợi thế (tiếp giáp với vùng trồng dừa của tỉnh Bắc Ninh) để thu hút đầu tư chế biến, chế biến sâu sản phẩm từ quả dừa; đa dạng hoá sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Vùng sản xuất tập trung: vùng Dừa tập trung tại địa bàn các xã Tuấn Sơn, Tân Thành, Vân Nham, Thiện Tân, Cai Kinh,... Giai đoạn 2026-2030 diện tích trồng dừa toàn tỉnh đạt trên 500ha.

- Các giải pháp kỹ thuật: thâm canh dừa theo hướng an toàn, bền vững; chuyển đổi cơ cấu giống dừa phục vụ chế biến; mở rộng diện tích sản xuất dừa theo tiêu chuẩn VietGAP, Global GAP, cấp mã số vùng trồng, ... đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Chế biến, tiêu thụ sản phẩm: thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào chế biến sâu sản phẩm từ quả dừa; tham gia vào chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm.

2.3. Cây Dược liệu

- Định hướng chung: duy trì và phát triển diện tích trồng dược liệu giai đoạn 2025 - 2030 đạt khoảng 3.500 ha; triển khai các mô hình trồng dược liệu dưới tán rừng, áp dụng kỹ thuật trồng, chăm sóc tiên tiến, công nghệ cao để làm điểm trình diễn và học tập nhân rộng; tập trung phát triển các loài dược liệu có thế mạnh của tỉnh như: Chè hoa vàng, gừng, ba kích, sa nhân, ...; đẩy mạnh chế biến, chế biến sâu; đa dạng hoá sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Vùng sản xuất tập trung: vùng cây dược liệu tập trung tại địa bàn các xã: Kiên Mộc, Mẫu Sơn, Công Sơn, Xuân Dương, Thống Nhất, Lợi Bắc, Lộc Bình, Chiến Thắng, Hưng Vũ, Tân Tri, Khánh Khê, Yên Phúc, Tân Đoàn, Quý Hòa, Thiện Long, Thiện Thuật, Hữu Liên,...

- Chế biến, tiêu thụ sản phẩm: tập trung đầu tư công nghệ chế biến, chế biến sâu các loài cây dược liệu có thế mạnh của tỉnh; xúc tiến tìm kiếm thị trường tiêu thụ, xây dựng các chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm với các doanh nghiệp sản xuất, bào chế dược liệu trong và ngoài tỉnh.

2.4. Cây Hoàng đàn

- Định hướng chung: phát triển Hoàng đàn Hữu Liên theo hướng bảo tồn và phát triển bền vững loài cây đặc hữu của tỉnh Lạng Sơn, có giá trị cao về sinh thái, cảnh quan và kinh tế; gắn trồng Hoàng đàn Hữu Liên với bảo vệ rừng tự nhiên, phục hồi hệ sinh thái rừng và bảo tồn đa dạng sinh học. Ưu tiên nghiên cứu, nhân giống, gây trồng theo quy hoạch, quản lý chặt chẽ, tuân thủ các quy định của pháp luật về lâm nghiệp và bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm.

- Vùng sản xuất tập trung: trước mắt thực hiện bảo tồn tại chỗ tại khu rừng đặc dụng Hữu Liên, sau đó tiến hành bảo tồn ngoại vi tại các xã khu vực có điều kiện thổ nhưỡng phù hợp

3. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ để khảo nghiệm, đánh giá và phát triển một số cây trồng mới, cây trồng đặc sản có giá trị

Triển khai 04-05 đề tài/dự án nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ về thử nghiệm, đánh giá một số giống cây trồng mới có khả năng phát triển (Hồng giòn, các giống Na mới, hồi ghép,...) làm đa dạng cơ cấu giống của địa phương; Nâng cao chất lượng và phát triển vùng trồng các giống cây trồng đặc sản địa phương có giá trị cao (Mắc ca, chè shan tuyết Mẫu Sơn,...).

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

IV. GIẢI PHÁP

1. Công tác tuyên truyền

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kế hoạch đến các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ trang trại và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh.

- Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ trang trại, người dân và cán bộ quản lý của địa phương về định hướng phát triển các sản phẩm nông, lâm nghiệp chủ lực, đặc sản của tỉnh theo hướng liên kết, tạo ra sản phẩm hàng hóa. Đa dạng hình thức tuyên truyền: tài liệu hướng dẫn triển khai theo từng sản phẩm chủ lực; chuyên trang, chuyên mục truyền thông về nông, lâm nghiệp chủ lực.

2. Về chính sách

Tham mưu xây dựng Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân tỉnh và hướng dẫn, tổ chức thực hiện tốt các chính sách liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn như: khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp; khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất; phát triển Hợp tác xã,... Đồng thời, rà soát, đánh giá hiệu quả các chính sách đã ban hành để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực trạng và xu hướng phát triển nông lâm nghiệp của địa phương tại từng thời điểm nhằm hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cơ sở sơ chế, bảo quản, chế biến, chế biến sâu sản phẩm.

3. Về tổ chức sản xuất

- Căn cứ xây dựng vùng trồng các loại cây trồng nông, lâm nghiệp chủ lực, có tiềm năng phát triển trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026-2030, các xã, phường xác định quy mô vùng sản xuất cây ăn quả, cây lâm nghiệp, vùng chăn nuôi tập trung trong phương án quy hoạch của xã, phường và các quy hoạch có liên quan khác; gắn phát triển vùng nguyên liệu với các cơ sở bảo quản, chế biến sản phẩm.

- Tiếp tục thực hiện chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm các loại sản phẩm chủ lực, đặc sản có giá trị kinh tế cao; phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp định hướng quy mô vùng trồng, vùng chăn nuôi; thúc đẩy hình thành các chuỗi liên kết sản xuất từ xây dựng vùng trồng, chăn nuôi đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ phát triển Hợp tác xã cả về chiều rộng và chiều sâu, đặc biệt chú trọng hỗ trợ thành lập mới và nâng cao năng lực cho các thành viên Hợp tác xã để xây dựng liên kết bền vững giữa doanh nghiệp với người sản xuất.

- Đối với hộ gia đình, cần liên kết dưới hình thức tổ hợp tác, hợp tác xã để hình thành vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn, gắn với xây dựng mã số vùng trồng truy xuất nguồn gốc và tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời, tích cực tham gia các tập huấn, tăng cường kỹ năng sản xuất, kiến thức thị trường.

4. Về khoa học và công nghệ

- Thực hiện từng bước chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm nghiệp nhất là các sản phẩm chủ lực, đặc sản có giá trị kinh tế cao của tỉnh. Số hóa trong quản lý các vùng trồng, truy xuất nguồn gốc nông sản.

- Thực hiện thử nghiệm, theo dõi các giống cây trồng, vật nuôi mới chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu để bổ sung vào cơ cấu giống của tỉnh. Sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi mới tạo đột phá về năng suất, chất lượng; chống chịu sâu bệnh hại, thích ứng điều kiện biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp để rải vụ thu hoạch; quy trình canh tác tiên tiến; công nghệ xử lý, bảo quản, chế biến, giảm tổn thất sau thu hoạch phù hợp với từng điều kiện cụ thể.

- Áp dụng các giải pháp cơ giới hóa các khâu chăm sóc và thu hoạch; đẩy chuyển thiết bị bảo quản, chế biến hướng tới xuất khẩu.

- Xây dựng các chương trình khuyến nông về canh tác tiên tiến, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; ưu tiên chuyển giao tiến bộ kỹ thuật thâm canh cây trồng nông lâm nghiệp chủ lực, đặc sản có giá trị kinh tế cao bền vững tại các vùng trồng tập trung, áp dụng theo các tiêu chuẩn kỹ thuật GAP, hữu cơ, mã số vùng trồng, ... đáp ứng nhu cầu của thị trường; ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm.

- Đa dạng hóa các hình thức khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới cho các Hợp tác xã, trang trại, nông dân ứng dụng trong sản xuất

để nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu thị trường. Hỗ trợ nông dân kết nối với các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Cải tiến, nâng cao chất lượng, mẫu mã bao bì, đa dạng hoá sản phẩm nhằm đáp ứng thị hiếu, nhu cầu người tiêu dùng, tăng sức cạnh tranh của các sản phẩm trên thị trường trong và ngoài nước.

5. Về đầu tư

- Các hộ gia đình đẩy mạnh đầu tư phát triển sản phẩm chủ lực, đặc sản có giá trị kinh tế cao để hình thành theo vùng nguyên liệu tập trung và liên kết thành tổ hợp tác, Hợp tác xã để kết nối với các doanh nghiệp, Hợp tác xã đầu tư trong chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Đầu tư xây dựng các điểm trung bày, quảng bá và bán sản phẩm nông lâm nghiệp chủ lực tại các khu, điểm du lịch trọng điểm của tỉnh.

- Nhà nước đầu tư các công trình thủy lợi tại các vùng sản xuất tập trung, các công trình giao thông kết nối vùng sản xuất tập trung với các trục giao thông chính và các công trình hạ tầng thiết yếu khác phục vụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; chuyển giao khoa học công nghệ về giống, thâm canh, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm chủ lực và đặc sản có giá trị kinh tế cao; đầu tư hạ tầng và các tiện ích phát triển nông lâm nghiệp gắn với các loại hình du lịch (du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, ...) nhằm thúc đẩy xây dựng nông thôn mới bền vững, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nhất là các sản phẩm OCOP góp phần phát huy lợi thế, giá trị khác biệt của nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

6. Xây dựng mô hình

Xây dựng và nhân rộng các mô hình khuyến nông ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đối với các cây trồng, vật nuôi gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm: sử dụng giống mới có năng suất, chất lượng cao; rải vụ thu hoạch; chống chịu tốt với sâu bệnh hại, thích ứng với biến đổi khí hậu; quy trình tưới nước tiết kiệm; mô hình thâm canh bền vững; áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM); sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ,...; chăn nuôi an toàn sinh học; mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm,... nhằm chuyển giao và nhân rộng tiến bộ kỹ thuật cho người sản xuất; giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, giảm ô nhiễm môi trường và bảo vệ sức khỏe của người sản xuất và người tiêu dùng.

Xây dựng mô hình phát triển nông lâm nghiệp, nông lâm kết hợp bền vững gắn với du lịch sinh thái, tạo giá trị kinh tế và quảng bá thương hiệu nông lâm sản của địa phương.

7. Về xây dựng và phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Triển khai chương trình OCOP đi vào chiều sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm, tập trung phát triển sản phẩm OCOP đối với các sản phẩm chủ lực, đặc sản và có tiềm năng.

- Chú trọng xây dựng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm cây trồng, vật nuôi chủ lực, đặc sản của tỉnh và tổ chức quản lý, phát triển và bảo vệ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đã được cấp văn bằng bảo hộ.

8. Về đào tạo, tập huấn

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ ngành nông nghiệp của tỉnh. Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý các doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tăng cường công tác tập huấn cho người dân. Tổ chức tham quan học tập các mô hình: sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; sản xuất nông nghiệp kết hợp du lịch;... mang lại hiệu quả kinh tế cao ở trong và ngoài tỉnh.

Xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả các chương trình đào tạo, tập huấn trong sản xuất, kinh doanh, chế biến các sản phẩm nông nghiệp cho người nông dân và các cơ sở sản xuất, chế biến sản phẩm.

9. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, kế hoạch khác có liên quan theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; kinh phí tự có của các tổ chức kinh tế - xã hội; huy động các nguồn lực tài chính hợp pháp từ các nhà tài trợ, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan Thường trực, chịu trách nhiệm tham mưu, theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành, hướng dẫn thực hiện các cơ chế chính sách đặc thù của tỉnh khuyến khích đầu tư, phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm phát triển các sản phẩm nông, lâm nghiệp theo quy mô sản xuất hàng hóa.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; hướng dẫn đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện.

2. Sở Tài chính

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo phân cấp ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành, hướng dẫn thực hiện các cơ

chế chính sách đặc thù của tỉnh khuyến khích đầu tư, phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm phát triển các sản phẩm nông, lâm nghiệp theo quy mô sản xuất hàng hóa.

3. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan nghiên cứu, rà soát các cơ chế, chính sách xúc tiến thương mại, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm nông lâm nghiệp chủ lực, đặc sản của tỉnh. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, thu hút các doanh nghiệp ký kết hợp đồng thu mua nông sản tại các vùng trồng được cấp mã số, đảm bảo an toàn thực phẩm tạo thuận lợi cho tiêu thụ nông sản trong nước và xuất khẩu.

- Chủ trì, tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện hoạt động khuyến công nông thôn trong chuyển giao công nghệ, hỗ trợ trang thiết bị, dây chuyền cho các mô hình sơ chế, chế biến, phân loại, bảo quản sản phẩm.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan đề xuất điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách có liên quan tới hỗ trợ tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ và tiến bộ kỹ thuật.

- Hướng dẫn việc đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ (*nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý*) cho sản phẩm cây chủ lực, đặc sản của tỉnh và quản lý, phát triển thương hiệu đối với sản phẩm đã được cấp nhãn hiệu, Chỉ dẫn địa lý. Tham mưu, đề xuất các đề tài, dự án khoa học liên quan đến phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực, đặc sản có giá trị kinh tế cao của tỉnh; các giống cây trồng, vật nuôi mới có khả năng phát triển trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện giải pháp chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm nghiệp.

- Phối hợp với Sở Tài chính đề xuất ưu tiên bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ thực hiện các đề tài nghiên cứu, dự án ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ liên quan đến phát triển các cây trồng, vật nuôi chủ lực, đặc sản có giá trị kinh tế cao trên địa bàn tỉnh.

5. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Lạng Sơn

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; thu hút các doanh nghiệp đầu tư trong và ngoài nước ký kết hợp đồng liên kết tiêu thụ, thu mua nông sản tại các vùng trồng đã được cấp mã số, bảo đảm các yêu cầu về an toàn thực phẩm, tạo điều kiện thuận lợi cho tiêu thụ nông sản trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

Chủ trì, phối hợp tổ chức các sự kiện quảng bá, trưng bày, giới thiệu sản phẩm của tỉnh, trong đó chú trọng đẩy mạnh hoạt động quảng bá trên môi trường mạng; ưu tiên tham gia, tổ chức các sự kiện có quy mô liên vùng, quốc gia và quốc tế; tập trung giới thiệu các sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực, sản phẩm có chất lượng cao nhằm thúc đẩy tiêu thụ và mở rộng thị trường.

6. UBND các xã, phường

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch này với các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể, báo cáo cấp có thẩm quyền bổ sung vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương.

- Bố trí kinh phí địa phương hỗ trợ xây dựng công trình hạ tầng, trang thiết bị máy móc phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm vùng nguyên liệu cho hợp tác xã khi có nhu cầu.

- Đẩy mạnh công tác tập huấn, tuyên truyền, thông tin, phổ biến sâu rộng nội dung của Kế hoạch đến các tổ chức, cá nhân, cộng đồng người dân nông thôn, doanh nghiệp, hợp tác xã, với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, địa phương.

- Vận động nhân dân áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất, phát triển sản xuất an toàn theo hướng tiêu chuẩn GAP, hữu cơ. Hỗ trợ củng cố và phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác, theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ, mã số vùng trồng, liên kết với các doanh nghiệp trên địa bàn để tiêu thụ nông sản cho người dân. Thực hiện quản lý vùng trồng, mã số vùng trồng, giám sát chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm tại cơ sở.

7. Chế độ báo cáo

Định kỳ hàng năm (từ ngày 18/11 đến ngày 20/11) các Sở, ngành có liên quan, UBND các xã, phường báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này về Ủy ban nhân dân tỉnh (Qua Sở Nông nghiệp và Môi trường). Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch này, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 01/12 hàng năm.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh cần sửa đổi, bổ sung. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, phường chủ động gửi ý kiến về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết kịp thời ./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh; } (B/c)
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UB MTTQ VN tỉnh;
- Các Ban: DT, KTNS - HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Liên minh HTX tỉnh;
- Hội Nông dân tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- C, PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN_(HĐN).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thanh Nhân